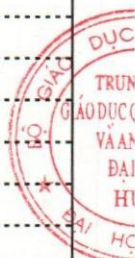


DANH SÁCH SV CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP AN KHOÁ 249
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	NS	Lớp	N.sinh	TB HP1	TB HP2	TB HP3	TB HP4	Ghi chú
1	24S6030028	Phạm Thị Quyên	22/05/06	Hà Tĩnh	Địa lý 24A	7.4	6.5	.	6.9	
2	24S6030031	Cầm Bá Thành	13/01/06	Thanh Hóa	Địa lý 24A	7.9	7.8	6.8	.	
3	24S6030034	Phạm Thị Thảo	15/11/06	Nghệ An	Địa lý 24A	8.1	7.8	8.3	.	
4	24S6030036	Hứa Ngọc Diệu	16/09/06	TP. HCM	Địa lý 24A	8.1	7.2	7.1	.	
5	24S6030041	Trần Thị Trang	23/03/06	Nghệ An	Địa lý 24A	8.1	7.9	7.7	.	
6	24S9020004	Hà Thị Ngọc Ân	25/05/06	Nghệ An	GD Mầm non 24A	7.4	7.2	.	7.1	
7	24S9020061	Ngô Khánh Huyền	23/04/05	TT Huế	GD Mầm non 24A	7.2	7.9	8.1	.	
8	24S9020057	Bùi Ngọc Khánh Huyền	20/02/06	TT Huế	GD Mầm non 24A	7.2	7.4	6.5	.	
9	24S9020078	Nguyễn Thị Khánh Linh	28/04/06	Hà Tĩnh	GD Mầm non 24A	7.9	7.9	7.1	.	
10	24S9020084	Hoàng Cẩm Ly	25/07/06	Hà Tĩnh	GD Mầm non 24A	7.9	8.5	7.8	.	
11	24S9020091	Hồ Thị Mộng Mơ	20/06/06	Quảng Ngãi	GD Mầm non 24A	6.7	8.1	.	6.7	
12	24S9020118	Hồ Thị Niêm	22/10/06	Quảng Trị	GD Mầm non 24A	.	7.4	.	6.9	
13	24S9020149	Đinh Thủy Thành Tiên	25/11/06	Quảng Ngãi	GD Mầm non 24A	.	5.7	6.9	9.0	
14	24S9020152	Nguyễn Lê Thủy Tiên	10/5/2006	TT Huế	GD Mầm non 24A	7.4	7.4	.	6.9	
15	24S9020024	Hồ Thị Phương Diễm	6/1/2005	TT Huế	GD Mầm non 24B	6.0	5.8	.	7.0	
16	24S9020026	Hồ Thị Ngọc Diệp	20/11/06	Quảng Trị	GD Mầm non 24B	8.1	6.4	7.0	.	
17	24S9020072	Hồ Thị Vỹ Linh	19/06/06	TT Huế	GD Mầm non 24B	8.1	6.0	.	6.3	
18	24S9020086	Nguyễn Thị Hải Lý	31/05/06	TT Huế	GD Mầm non 24B	.	5.8	6.5	9.0	
19	24S9020190	Lê Thị Uyên Nhi	13/01/06	TT Huế	GD Mầm non 24B	7.9	5.8	.	7.2	
20	24S9020117	Rơ Lan Nhuyên	29/06/05	Gia Lai	GD Mầm non 24B	8.2	6.4	.	.	
21	24S9020182	Nguyễn Thị Liên Anh	7/7/2006	TT Huế	GD Mầm non 24C	8.2	7.2	.	8.8	
22	24S9020010	Nguyễn Thị Minh Anh	28/09/05	Hà Tĩnh	GD Mầm non 24C	7.4	8.1	.	.	
23	24S9020013	Trịnh Thị Hồng Ánh	#####	Quảng Bình	GD Mầm non 24C	8.1	7.8	8.3	.	
24	24S9020184	Trần Thị Lệ Hằng	22/01/06	TT Huế	GD Mầm non 24C	.	8.1	6.6	.	
25	24S9020186	Bùi Khánh Huyền	20/08/05	Thanh Hóa	GD Mầm non 24C	6.0	7.4	.	.	
26	24S9020095	Trần Thị Thùy Ngân	2/10/2006	TT Huế	GD Mầm non 24C	6.7	6.7	.	7.0	
27	24S9020001	Lê Thị Khả Ái	22/05/06	TT Huế	GD Mầm non 24Q	7.4	7.8	.	6.3	
28	24S9020183	Hồ Lệ Linh Chi	26/03/05	TT Huế	GD Mầm non 24Q	6.0	.	8.2	8.5	
29	24S9020033	Trần Ánh Dương	#####	Quảng Trị	GD Mầm non 24Q	7.4	8.1	8.4	.	
30	24S9020059	Hồ Thị Thu Huyền	8/2/2006	TT Huế	GD Mầm non 24Q	6.7	6.4	.	6.8	
31	24S9020142	Võ Thị Hoài Thương	4/3/2006	Hà Tĩnh	GD Mầm non 24Q	7.9	6.0	6.5	.	
32	24S9010016	Võ Thị Quỳnh Anh	9/11/2006	Nghệ An	GD Tiểu học 24C	8.1	8.1	8.7	.	
33	24S9010049	Nguyễn Thị Thu Hà	#####	Nghệ An	GD Tiểu học 24C	8.1	8.1	8.7	.	
34	24S9010132	Lê Trà Nhi	29/01/06	Hà Tĩnh	GD Tiểu học 24Q	8.2	.	7.8	8.7	VPQC Hp2
35	24S5040009	Hồ Thị Diệp	6/1/2006	Quảng Trị	GDCD 24A	8.1	7.9	7.5	.	
36	24S5040024	Nguyễn Thị Thái Huyền	13/06/06	TT Huế	GDCD 24A	8.1	7.4	8.7	.	
37	24S5040023	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15/03/06	Hà Tĩnh	GDCD 24A	7.4	7.9	7.7	.	
38	24S5040030	Nguyễn Thị Hoa Lê	21/12/06	Nghệ An	GDCD 24A	6.0	6.7	7.2	.	
39	24S5040039	Lê Thị Trà My	6/8/2006	Thanh Hóa	GDCD 24A	6.7	7.8	6.5	.	

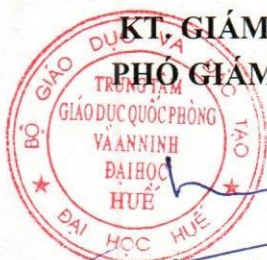


40	24S5040049	Trần Thị Tuyết	Nhung	6/3/2006	Thanh Hóa	GDCD 24A	8.1	8.1	8.2	.	.
41	23S5040050	Võ Thị	Quỳnh	5/4/2005	Hà Tĩnh	GDCD 24A	6.7	6.7	8.0	.	.
42	24S5040055	Lê Thị	Thanh	7/11/2006	Nghệ An	GDCD 24A	8.8	8.5	8.9	.	.
43	24S5040066	Vì Thị Thùy	Trang	21/07/06	Nghệ An	GDCD-24A	7.4	7.2	8.3	.	.
44	24S5020013	Phạm Trung	Hiếu	30/10/06	Thanh Hóa	GDCT 24A	6.7	8.1	8.1	.	.
45	24S5020025	Nguyễn Thị Xuân	Phương	13/04/06	Nghệ An	GDCT 24A	.	8.2	6.5	9.0	.
46	24S9020158	Kpuih H'	Trang	08/01/05	Gia Lai	GDMN-24A	8.2	7.1	.	.	.
47	24S5050011	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/02/07	Nghệ An	GDPL 24A	8.1	5.7	6.5	.	.
48	24S5050020	Bùi Thị	Khánh	2/2/2006	Nghệ An	GDPL 24A	8.1	8.1	7.7	.	.
49	24S5050027	Mai Khánh	Linh	3/2/2006	Gia Lai	GDPL 24A	8.1	7.8	8.1	.	.
50	24S5050025	Hạ Nhã	Linh	11/6/2006	Quảng Ngãi	GDPL 24A	7.5	7.4	.	6.8	.
51	24S5050041	Nguyễn Thị Yên	Nhi	28/02/06	Hà Tĩnh	GDPL 24A	6.7	6.0	.	6.2	.
52	24S5050061	Hoàng Thị Bích	Thu	#####	Thanh Hóa	GDPL 24A	7.4	7.4	8.3	.	.
53	24S5050063	Nguyễn Mỹ Thu	Thủy	13/09/06	Kon Tum	GDPL 24A	.	7.8	.	.	Bảo lưu
54	24S7020009	Trương Vũ Ngọc	Hà	27/08/06	TT Huế	GDTH-24E	.	8.0	8.3	.	Bảo lưu
55	24S1080019	Nguyễn Thị Thục	Anh	16/06/05	Nghệ An	HTTT 24A	8.0	7.1	8.4	.	.
56	24S1080022	Từ Đình	Kha	29/05/05	Đà Nẵng	HTTT 24A	.	7.3	7.5	6.4	.
57	24S1080007	Nguyễn Hoàng	Nguyên	7/12/2006	Quảng Trị	HTTT 24A	7.3	7.4	.	7.0	.
58	24S1080012	Phạm Phúc	Toàn	2/1/2006	Quảng Nam	HTTT 24A	7.9	7.4	6.9	.	.
59	24S1080016	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	4/1/2006	Hà Tĩnh	HTTT 24A	7.9	8.1	6.6	.	.
60	24S1070075	Phạm Thị	Ly	13/04/06	Quảng Ngãi	KHTN 24A	7.4	7.4	8.3	.	.
61	24S1070175	Tôn Trần Tú	Uyên	5/4/2006	Quảng Ngãi	KHTN 24A	5.7	.	7.7	8.7	VPQC Hp2
62	24S1070185	Chu Thị	Yến	21/07/06	Hà Tĩnh	KHTN 24A	8.1	7.4	8.7	.	.
63	24S1070008	Nguyễn Phương	Anh	24/07/06	Hà Tĩnh	KHTN 24B	.	6.7	9.2	8.4	VPQC Hp1
64	24S1070016	Ngô Thị Linh	Chi	14/09/05	Nghệ An	KHTN 24B	.	8.1	8.4	8.2	VPQC Hp1
65	24S1070125	Nguyễn Hàm	Thăng	7/5/2006	Nghệ An	KHTN 24B	7.4	7.4	6.9	.	.
66	24S1070127	Đặng Thị Thu	Thảo	18/04/05	TT Huế	KHTN 24B	.	7.8	8.4	8.4	.
67	24S1070132	Nguyễn Đức	Thiên	17/10/06	Gia Lai	KHTN 24B	.	7.1	7.1	8.7	.
68	24S1070178	Nguyễn Thị Tường	Vi	25/02/05	Thanh Hóa	KHTN 24B	.	7.1	8.3	7.0	.
69	24S1070123	Đậu Đặng Thanh	Tâm	1/12/2006	Nghệ An	KHTN 24C	6.7	7.4	.	6.9	.
70	24S1070166	Trần Văn	Trang	6/8/2006	Quảng Trị	KHTN 24C	8.8	7.9	7.7	.	.
71	24S1070018	Thiều Thị Minh	Chiến	09/10/06	Hà Tĩnh	KHTN-24A	6.5	.	8.3	8.1	VPQC Hp2
72	24S6010001	Nguyễn Thúy	An	1/12/2006	Đà Nẵng	Ngữ văn 24A	7.9	.	8.3	8.9	VPQC Hp2
73	24S6010067	Nguyễn Thảo	Nguyên	#####	Quảng Bình	Ngữ văn 24A	8.6	.	8.6	8.9	VPQC Hp2
74	24S6010078	Nguyễn Hoàng	Quân	17/02/04	TT Huế	Ngữ văn 24A	7.9	8.1	7.7	.	.
75	24S6010120	Nguyễn Trần Phương	Uyên	12/9/2006	Quảng Ngãi	Ngữ văn 24A	8.1	.	7.7	8.3	VPQC Hp2
76	24S6010068	Nguyễn Thiện	Nhân	12/8/2006	Quảng Trị	Ngữ văn 24B	7.2	8.1	6.3	.	.
77	24S6040006	Vũ Thanh	Đức	17/03/06	Đà Nẵng	SP Âm nhạc 24A	.	7.4	7.9	8.9	.
78	24S6040007	Trần Thị Khánh	Hà	15/08/06	Bình Định	SP Âm nhạc 24A	8.1	6.7	.	7.9	.
79	24S6040009	Võ Trọng	Hiển	7/8/2004	Đà Nẵng	SP Âm nhạc 24A	.	6.7	7.8	8.7	.
80	24S6040010	Dương Lê Hồng	Hiếu	#####	Quảng Bình	SP Âm nhạc 24A	6.7	5.8	7.4	.	.
81	24S6040021	Phan Quý Nhật	Minh	1/2/2004	TT Huế	SP Âm nhạc 24A	7.2	6.0	.	.	Bảo lưu
82	24S6040026	Dương Thị Thanh	Nhàn	5/5/2006	Quảng Bình	SP Âm nhạc 24A	8.1	6.0	.	8.5	.
83	24S6040038	Hồ Thị Huyền	Trân	18/01/06	Quảng Ngãi	SP Âm nhạc 24A	7.2	7.2	.	8.7	.
84	24S6040040	Hứa Đại	Trí	7/10/2006	Đà Nẵng	SP Âm nhạc 24A	.	5.8	7.2	8.0	.
85	24S6040043	Rơ Đăng	Vinh	23/07/06	Kon Tum	SP Âm nhạc 24A	6.7	6.0	.	7.6	.
86	24S6040044	Alăng	Vững	8/5/2006	Quảng Nam	SP Âm nhạc 24A	.	6.0	.	8.0	.
87	23S6050062	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/08/05	Quảng Bình	SP LS-ĐL 23B	7.5	7.9	.	.	VPQC Hp3
88	24S6050066	Lê Thị Khánh	Linh	2/8/2006	Hà Tĩnh	SP LS-ĐL 24A	8.1	8.1	7.7	.	.

89	24S6050076	Bùi Mai	Ly	16/01/06	Phú Yên	SP LS-ĐL 24A	8.1	8.1	.	7.8	VPQC Hp3
90	24S6050150	Zorâm Thị	Uyên	19/01/06	Quảng Nam	SP LS-ĐL 24A	8.2	7.8	.	8.7	
91	24S6050046	Trần Minh	Hoàng	19/10/06	Nam Định	SP LS-ĐL 24B	7.8	6.5	6.6	.	
92	24S6050070	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/8/2006	Nghệ An	SP LS-ĐL 24B	7.9	8.1	9.0	.	
93	24S6050089	Phạm Thị Phương	Ngân	15/09/06	Hà Tĩnh	SP LS-ĐL 24B	7.5	.	8.3	8.9	VPQC Hp2
94	24S6050099	Lê Thị Yến	Nhi	18/01/06	Thái Nguyên	SP LS-ĐL 24B	8.1	7.4	7.5	.	
95	24S6050110	Bùi Thị Như	Quỳnh	31/08/06	Thanh Hóa	SP LS-ĐL 24B	7.9	8.1	7.8	.	
96	24S6050054	Nguyễn Thị	Huyền	13/03/06	Hà Tĩnh	SP LS-ĐL 24C	8.1	7.4	8.6	.	
97	24S6050136	Nguyễn Kiều	Trang	04/01/05	Thanh Hóa	SP LS-ĐL-24C	7.9	7.8	7.1	.	
98	24S1060008	Nguyễn Thành	Đạt	#####	Hà Tĩnh	SPCN-24A	7.4	8.1	.	.	Bao lưu
99	24S1060010	Ngô Thùy	Dung	16/10/06	Đà Nẵng	SPCN-24A	6.7	7.4	8.3	.	
100	24S1060011	Trịnh Tâm	Hào	25/06/06	Cà Mau	SPCN-24A	.	6.7	7.7	8.0	
101	24S1060012	Phạm Hữu	Hùng	06/09/06	Quảng Trị	SPCN-24A	7.4	7.4	7.7	.	
102	24S1060015	Hồ Trần Lê	Kim	11/2/2006	Quảng Trị	SPCN-24A	.	8.1	6.6	7.4	VPQC Hp1
103	24S1060026	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	1/1/2006	Quảng Nam	SPCN-24A	.	6.0	6.5	7.1	
104	24S1060033	Bùi Ngọc Minh	Quân	10/2/2006	Quảng Ngãi	SPCN-24A	8.1	7.4	8.3	.	
105	24S1060035	Cù Thị Vi	Thảo	16/08/06	TP. HCM	SPCN-24A	.	6.7	7.7	7.2	VPQC Hp1
106	24S1060052	Hoàng Văn	Trương	2/2/2006	Quảng Bình	SPCN-24A	7.4	7.4	7.7	.	
107	24S1020021	Nguyễn Trường	Giang	23/11/06	Nghệ An	Tin học 24A	.	7.4	8.0	9.1	
108	24S1020049	Trần Thị Hương	Nguyên	14/10/06	Thanh Hóa	Tin học 24A	.	7.4	8.9	8.5	
109	24S1020068	Doãn Nhật	Tân	3/11/2006	Nghệ An	Tin học 24A	7.9	8.1	7.2	.	
110	24S1020088	Lữ Bảo	Vy	1/4/2004	Nghệ An	Tin học 24A	6.7	6.7	7.8	.	
111	24S1020089	Nguyễn Hoàng Viết	Xuân	28/08/06	Nghệ An	Tin học 24A	.	7.4	7.2	8.7	
112	24S1020007	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/02/06	Nghệ An	Tin học 24B	8.1	7.4	.	.	
113	24S1020033	Phạm Huy	Khôi	29/01/06	Kon Tum	Tin học 24B	.	6.7	7.8	7.5	
114	24S1020050	Võ Bùi Tiến	Nguyên	23/12/06	Nghệ An	Tin học 24B	6.7	.	7.7	8.7	
115	24S1020060	Đặng Lê	Phúc	4/4/2006	Quảng Ngãi	Tin học 24B	.	6.7	7.1	6.7	VPQC Hp1
116	24S1020076	Nguyễn Anh	Thư	22/12/06	Bình Thuận	Tin học 24B	8.1	8.1	.	9.5	VPQC Hp3
117	24S5010044	Trần Ngọc Bảo	Hân	3/2/2005	TT Huế	TLGD 24A	.	7.4	6.5	8.9	
118	24S5010002	Phan Thị Minh	An	3/7/2006	TT Huế	TLGD 24B	.	6.7	8.3	8.7	VPQC Hp1
119	24S5010008	Trương Quỳnh	Anh	20/07/06	TT Huế	TLGD 24B	8.2	7.4	8.6	.	
120	24S5010254	Lê Hải	Nhi	19/09/06	Thanh Hóa	TLGD 24B	7.5	7.4	8.7	.	
121	24S5010165	Nguyễn Hoàng Khánh	Thư	15/07/06	Quảng Nam	TLGD 24C	6.0	7.4	7.6	.	
122	24S1010076	Phan Anh	Vũ	14/02/06	TT Huế	Toán học 24A	7.2	8.1	8.1	.	
123	24S1010073	Lâm Thị Hồng	Viên	6/10/2006	Quảng Ngãi	Toán học 24B	8.1	7.4	9.0	.	
124	24S1030009	Nguyễn Cao Bảo	Duy	24/10/06	TT Huế	Vật lý 24A	7.1	7.4	.	8.5	

Ấn định danh sách 124 sinh viên

Huế, ngày 26 tháng 01 năm 2026



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thiện

PHÓ TR. PHÒNG ĐT, QLSV

Vũ Thị Chung

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Hoàng Thị Lý